ĐỀ THI TỰ LUYỆN TIẾNG ANH CHUYỂN CẤP LÊN LỚP 6 (CHUYÊN)

I. Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại				
1. A. book <u>s</u>	B. pencils	C. rulers	D. bags	
2. A. r <u>ea</u> d	B. teacher	C. <u>ea</u> t	D. ah <u>ea</u> d	
3. A. ten <u>th</u>	B. ma <u>th</u>	C. bro <u>th</u> er	D. <u>th</u> eater	
4. A. h <u>a</u> s	B. n <u>a</u> me	C. family	D. l <u>a</u> mp	
5. A. do <u>es</u>	B. watches	C. finish <u>es</u>	D. brush <u>es</u>	
6. A. c <u>i</u> ty	B. fine	C. kind	D. like	
7. A. b <u>o</u> ttle	B. <u>jo</u> b	C. movie	D. chocolate	
8. A. s <u>o</u> n	B. come	C. home	D. mother	
II. Chọn một từ khôi	ng cùng nhóm với cá	íc từ còn lại		
1. A. never	B. usually	C. always	D. after	
2. A. orange	B. yellow	C. apple	D. blue	
3. A. sing	B. thirsty	C. hungry	D. hot	
4. A. apple	B. orange	C. milk	D. pear	
5. A. face	B. eye	C. month	D. leg	
6. A. you	B. their	C. his	D. my	
7. A. sunny	B. windy	C. weather	D. rainy	
8. A. in	B. but	C. of	D. under	
III. Chọn đáp án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau 1. She to the radio in the morning.				
A. listen	B. watches	C. listens	D. sees	
2. My friend English on Monday and Friday.				
A. not have	B. isn't have	C. don't have	D. doesn't have	
3. I am, so I don't want to eat any more.				
A. hungry	B. thirsty	C. full D	. small	
4. Last Sunday wein the sun, we enjoyed a lot.				
A. had great fu	n B. have great fur	n C. have funs	D. had great funs	
5. I'm going to the now. I want to buy some bread.				

A. post office	B. drugstore	C. bakery	D. toy store
6. Another word for "tabl	le tennis"		···
A. badminton	B. ping-pong	C. foo	otball D. volleyball
7. The opposite of "weak	" is	•••••	
A. thin	B. small	C. str	ong D. heavy
8. Howis it from here to Hanoi?			
A. often	B. far	C. many	D. much
9. Whereyou yesterday? I was at home.			
A. was	B. are	C. were	D. is
10. What is the third letter from the end of the English alphabet?			
A. W	B. Y	C. X	D. V
11 you like to drink coffee? Yes, please.			
A. What 12. I often watch football	B. Would matches		D. How Channel.
A. on	B. in	C. at	D. of
13. What about to Hue on Sunday?			
A. to go	B. go	C. going	D. goes
14. Igo swimming because I can't swim			
A. often	B. never	C. usually	D. sometimes
15. His mother bought him uniform yesterday			
A. a	B. an	C. the	D. two
16. The story is so uninteresting, it means that the story is			
A. nice B. exc	citing C. fur	nny D. bo	ring
17. My school three floors and my classroom is on the first floor.			

	A. have	B. has	C. are	D. is	
18. His mother is a doctor. She works in a					
	A. hospital	B. post office	C. restauran	ıt	D.
cinen	na 19. He often trave	elsca	r		my
fathe	r.				
	A. by/ for	B. by/ with	C. with/by	D. for	r / by
20. I	ask my mother to	my dog w	hen I am not	at hom	e
	A. see	B. look after	C. look at	D. tak	ke of
	m hãy điền một giớ tu	i từ thích hợp điền	ı vào chỗ trối	ng để h	noàn thành các câu
1. My	y father works for a	company (1)	Mond	ay (2)	Friday.
2. He lives (3)					
3. Lan is standing near the store and she is waiting (5) the bus.					
4. I agree (6) you about that.					
5. I have EnglishWednesday and Friday					
6. Lo	ok (8)	the picture	(9)		the wall, please!
V. Ch	o dạng đúng của độ	ng từ trong ngoặc	•		
1. W	hat (be)	your sister doing	now? She (s	kip)	
2. There (be)a lot of people at the party last night.					
3. Kate (play)volleyball every afternoon,					
but she (play)badminton now.					
4. W	e should (do)	morning	exercises		
5. He	(see)	a bi	g dragon in h	is drea	m.
6. La	ura (be)fro	m Canada. She (sp	peak)	E1	nglish and French.
She (come)to Vietnam tomorrow. She (stay)in a hotel in					

НСМ (City for 3 days. She (visit) a lot of places of interest in Viet Nam
7. My	brother can (swim)
8. I pre	fer (live)in a village because it is peaceful.
9. Ther	re (be) a chair and two tables in the room
VI. Hãy	viết câu sau có nghĩa sử dụng từ hoặc nhóm từ gợi ý dưới đây
1. Wha	t time / Nga / get / morning?
2. You	/ can / games / afternoon / but / must / homework / evening
3. It is	/ cool / dry / November /April
	en / it / hot / we / often / go / swim
5. Last	summer/ Nam/ spent/ holiday/ Singapore/ his family
	ant/ robot/ to/ the cleaning/ the cooking
	// went/ China / plane / stayed / a hotel
8. We /	don't/camping/because/we/ have/ tent
VII. Đ	iền từ thích hợp vào ô trống
	tetnam is in the South- East Asia. It has (1) of beautiful mountains,
	and beaches. (2) are two long (3) in Vietnam: the Red n the north and the Mekong River in the (4) The Mekong River is
the (5)	
	_river in the South- East Asia and of course it is longer (6)the
	ver. The Mekong River starts in Tibet and (7)to the Bien Dong.
	pang is the highest(8) in Vietnam. It's 3,143 meters.
	m also (9) many nice beaches such (10) Sam Son, Do Son
Nha Tr	ang, Vung Tau.

VIII. Viết lại những câu sau sao cho nghĩa không thay đổi bắt đầu bằng từ cho sẵn

1. My brother is taller than me.-> I	
2. My class had 35 pupils last year> There	
3. Nam likes tea> Nam's favorite	
4. Let's go fishing> Why don't we	
5. The bookstore is behind the bakery> The bakery is	
6. Ha walks to school everyday> Ha goes	
7. She is Hoa's mother> Hoa	
8. Linda likes chicken.	